

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HSST  
Ngày: 02/6/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diễm Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Sáu và ông Nguyễn Mạnh Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 đối với:

\* **Bị cáo: Nguyễn Hoàng T** (tên gọi khác: B)– sinh năm 1987, tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Số A, Tổ B, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: làm thuê. Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Vợ: Võ Thị N, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/01/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Chấp hành xong ngày 30/01/2011; Ngày 06/7/2018, bị Tòa án nhân dân Quận T, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong ngày 05/3/2019. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

\* **Bị hại:** Anh Nguyễn C- sinh năm 1987; Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt)

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đoàn Chí D, sinh năm 1994; Trú tại: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Anh Trần Lê Nhật H, sinh năm 2000; Trú tại: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Số AB, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

*\* Người làm chứng:*

- Anh Phạm Tấn T1, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn C, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 2003; Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 21/7/2021, anh Nguyễn C dựng xe mô tô biển kiểm soát 78H1-278.36 nhãn hiệu PIAGGIO, loại xe Vespa, màu sơn trắng tại sân nhà của C ở Thôn M, xã A, huyện T rồi đi ra bè ngủ. Lợi dụng sơ hở, khoảng 22 giờ cùng ngày Nguyễn Hoàng T lén lút lấy xe mô tô, chìa khóa và một ví da bên trong có một giấy đăng ký xe, một giấy chứng minh nhân dân và một giấy phép lái xe đứng tên Nguyễn C rồi liên lạc Phạm Tấn T1 (quen biết qua facebook) để hỏi bán xe. T nói với T1 là xe mua chưa sang tên, T đưa giấy đăng ký xe, giấy tờ cá nhân của C nhưng T1 không có tiền nên dẫn T đến gặp Đoàn Chí D ở thị trấn P, huyện T là bạn của T1 làm nghề mua bán xe cũ. T nói với D là xe của anh C nhờ đứng ra mua bán, T đưa toàn bộ các giấy tờ cho D tin thì D đồng ý mua xe với số tiền 32.500.000 đồng. Đến ngày 25/7/2021, D gọi cho Trần Lê Nhật H trú tại khu phố P, H, thị xã Đ là chủ tiệm mua bán xe cũ “P” hỏi bán xe với số tiền 33.500.000 đồng, H nói D chụp đặc điểm xe thì H đồng ý mua, D giao xe và toàn bộ giấy tờ cho H. Thấy có chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe gốc của anh C nên H hỏi D thì D nói khách bán xe đưa toàn bộ giấy tờ để làm thủ tục sang tên. Sau khi mua, H đăng bán xe trên mạng xã hội thì C phát hiện nên báo cáo Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/KL- HĐĐG ngày 18/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tuy An kết luận: 01 xe

mô tô biển kiểm soát 78H1-278.36, nhãn hiệu PIAGGIO, loại xe Vespa, màu sơn trắng, số máy M82EM5002610, số khung 2511GV001441 mua mới tháng 01/2017 trị giá 41.710.900 đồng; 01 ví da màu đen mua vào năm 2021 có giá trị 0 đồng.

Vật chứng vụ án:

Đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu: 01 xe mô tô 78H1-278.36 nhãn hiệu PIAGGIO, loại xe Vespa, màu sơn trắng, số máy M82EM5002610, số khung: 2511GV001441; Một ví da màu đen; 01 giấy đăng ký xe biển số 78H1-278.36; 01 chứng minh nhân dân số 221290591; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 540179647389 mang tên Nguyễn C.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; Trần Lê Nhật H đã nhận lại số tiền 33.500.000đ từ Đoàn Chí D nên không yêu cầu gì; Đoàn Chí D yêu cầu Nguyễn Hoàng T trả lại số tiền 32.500.000đ; T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSTA ngày 07/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, trình bày: Bị hại đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 78H1-278.36; ví da và các giấy tờ gồm giấy đăng ký xe biển số 78H1-278.36; 01 chứng minh nhân dân số 221290591; 01 giấy phép lái xe hạng A1 nên không yêu cầu bồi thường gì khác và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Chí D trình bày: Vì không biết xe mô tô 78H1-278.36 do Nguyễn Hoàng T trộm cắp mà có nên anh D mua xe từ bị cáo T với giá 32.500.000đ; Sau đó, D bán lại cho anh H với giá 33.500.000đ. Khi phát hiện sự việc thì anh D đã trả 33.500.000đ cho anh H, đề nghị bị cáo T phải trả lại cho anh D số tiền 32.500.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích

hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: Nguyễn Hoàng T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì khác nên đề nghị không xem xét. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Chí D, buộc bị cáo phải trả lại cho anh Đoàn Chí D số tiền 32.500.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với Đoàn Chí D, Trần Lê Nhật H có hành vi mua xe mô tô biển kiểm soát 78H1-278.36 nhưng không biết rõ xe do T trộm cắp nên không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An không xem xét xử lý.

Đối với Phạm Tấn T1 đi cùng Nguyễn Hoàng T bán xe cho Đoàn Chí D nhưng T1 không biết xe mô tô là do T trộm cắp nên không là đồng phạm giúp sức do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An không xem xét xử lý.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại, lời

khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 21/7/2021, tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Hoàng T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 78H1-278.36 trị giá 41.710.900đ của anh Nguyễn C. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác là đối tượng được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cho nhu cầu cá nhân, mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu nhưng không chịu sửa chữa lỗi lầm, làm ăn lương thiện mà tiếp tục thực hiện tội phạm là thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy việc Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với Đoàn Chí D, Trần Lê Nhật H có hành vi mua xe mô tô biển kiểm soát 78H1-278.36 nhưng không biết xe do T trộm cắp nên không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An không xem xét xử lý là đúng pháp luật.

Đối với Phạm Tấn T1 đi cùng Nguyễn Hoàng T bán xe cho Đoàn Chí D nhưng T1 không biết xe mô tô là do T trộm cắp nên không là đồng phạm giúp sức do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An không xem xét xử lý là đúng pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn C đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xét. Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Chí D về việc buộc bị cáo T phải trả lại số tiền 32.500.000đ là có căn cứ và bị cáo chấp nhận yêu cầu của anh D. Do đó, HĐXX ghi nhận, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải trả cho anh Đoàn Chí D số tiền 32.500.000đ.

[4] Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho người bị hại nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS;

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 29/12/2021.

**2. Về Trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ trả cho anh Đoàn Chí D số tiền 32.500.000đ (*Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*);

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**3. Về xử lý vật chứng vụ án:** Không xem xét

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.625.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Phú Yên (1)
- VKSND huyện Tuy An (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (1)
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tuy An (1)
- Sở Tư pháp (1)
- Chi cục THADS huyện T (1)
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tuy An
- Bị cáo (1); Bị hại; Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Diễm Huyền**